

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 8 g đến 16 g, có thể dùng đến 20 g tùy theo bệnh chứng của bệnh nhân, dạng thuốc sắc hoặc hoàn tán theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiểm kê

Tỳ vị hư, ăn kém không có thực tích không được dùng.

TẮC KÈ

Gekko

Cấp giới

Toàn thân đã chế biến của con Tắc kè (*Gekko gekko* L.), họ Tắc kè (Gekkonidae) đã được làm khô. Có thể bắt tắc kè quanh năm, đem chế biến để dùng tươi hoặc phơi hoặc sấy khô ở nhiệt độ thấp (40 °C đến 50 °C).

Mô tả

Tắc kè có 4 chân. Toàn thân dẹt, do đã chế biến nên có hình dáng đặc biệt. Đầu dài từ 3 cm đến 5 cm, trên có 2 mắt, miệng có răng nhỏ và đều. Thân dài từ 8 cm đến 15 cm, rộng 7 cm đến 10 cm. Đuôi dài 10 cm đến 15 cm. Toàn thân có vảy nhỏ, mỏng, màu sắc tùy loại (màu tro xanh với điểm vàng, đỏ hay xám nâu). Hai chân trước và 2 chân sau được căng thẳng trên 2 que ngang. Từ đầu con Tắc kè đến cuối đuôi cũng được căng bởi một que dọc. Phần thân được căng vuông vắn và cân đối bởi 2 que chéo. Mùi hơi tanh, vị hơi mặn.

Ghi chú: Tắc kè nguyên con, đủ đuôi, không vụn nát, chấp vá, sâu mọt là loại tốt. Tắc kè phải giữ nguyên đuôi, nếu để mất đuôi kém tác dụng.

Loại Tắc kè hoa tốt hơn Tắc kè không có hoa. Tắc kè hoa thường sống trên núi đá hoặc hang đá, da có vẩy sần sùi, màu óng ánh, khi ánh sáng mặt trời chiếu vào thấy màu xanh lá cây ở lưng, bụng có màu vàng.

Độ ẩm

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Chế biến

Tắc kè dùng tươi: Chặt bỏ đầu từ hai mắt trở lên (theo kinh nghiệm dân gian nếu để mắt ăn vào mắc chứng thông manh), bỏ các bàn chân, lột da, mổ bụng bỏ hết phủ tạng. Băm nhỏ nấu cháo ăn.

Tắc kè ngâm rượu: Nếu dùng ngâm rượu thì nhúng Tắc kè vào nước sôi cạo sạch lông và vẩy, chặt bỏ đầu từ hai mắt trở lên và các bàn chân, mổ bụng bỏ hết phủ tạng (có thể chỉ lấy dạ dày nhưng phải làm sạch), nướng vàng thơm tất cả phần đã lấy rồi cho vào rượu 40° để ngâm. Thường 5 con Tắc kè ngâm với 2 L rượu, ngâm 100 ngày đêm, có thể ngâm chung với một số vị thuốc bổ phế và bổ thận như Bách bộ, Thiên môn, Mạch môn, Thục địa, Nhục thung dung, Nhân sâm, ...

Tắc kè phơi hoặc sấy khô:

Sau khi bắt được tắc kè, đập chết, moi bỏ phủ tạng, lau khô

bằng vải hay giấy bản (không được rửa nước), dùng nẹp tre để căng giữ cho thân Tắc kè thẳng và phẳng ngay ngắn. Dùng dải giấy bản cuốn buộc chặt đuôi sát với nẹp tre để phòng mất đuôi, sau đó phơi hoặc sấy khô ở nhiệt độ thấp (40 °C đến 50 °C).

Nhúng Tắc kè khô vào nước sôi, cạo sạch lông và vẩy ở lưng, chặt bỏ đầu từ hai mắt trở lên và 4 bàn chân, phải giữ nguyên đuôi, tẩm rượu nướng cho vàng đều, đem ngâm rượu 40° trong 100 ngày đêm (02 con trong 1 lít rượu) hoặc tẩm rượu 40° nướng giòn, tán bột mịn.

Bảo quản

Thuốc đã tán bột để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến.

Nếu Tắc kè đã sấy khô nên dùng trong 180 ngày sau khi sấy. Nếu ngâm rượu nên dùng trong 12 tháng kể từ khi ngâm.

Tính vị, quy kinh

Vị mặn, tính ôn. Vào các kinh phế, thận.

Công năng, chủ trị

Bổ phế, ích thận, nạp khí định suyễn, trợ dương, ích tinh. Chủ trị: Hư suyễn khí nghịch, lao lực ho suyễn, ho ra máu, rối loạn cường dương, di tinh.

Cách dùng, liều lượng

Dạng bột: Ngày dùng từ 4 g đến 6 g, ăn với cháo trắng vào buổi sáng lúc đói. Làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Ngâm rượu: Ngày dùng từ 30 ml đến 40 ml vào buổi tối trước khi ăn hoặc trong bữa ăn.

Kiểm kê

Ho do âm hư hỏa vượng không được dùng. Không phải tỳ thận đều hư, hoặc có thực tà phong hàn thì không nên dùng.

TÂM GỬI

Loranthi Herba

Những đoạn thân, cành và lá được phơi khô của cây Tầm gửi [*Taxillus chinensis* (DC.) Dans. (Syn. *Loranthus chinensis* DC.) hoặc *Macrosolen cochinchinensis* (Lour.) Blume (Syn. *Loranthus cochinchinensis* Lour.)], họ Tầm gửi (Loranthaceae) sống kí sinh trên cây gạo, buri, mít và một số cây không độc khác. Thu hái dược liệu, loại bỏ tạp chất, cắt đoạn 3 cm đến 5 cm, phơi khô trong bóng râm.

Mô tả

Những đoạn thân, cành hình trụ dài 3 cm đến 5 cm, đường kính 0,2 cm đến 0,5 cm có khi phân nhánh. Mặt ngoài màu nâu xám có nhiều lỗ bi nhỏ, chất cứng chắc. Lá khô nhăn nhúm, nguyên hoặc đã cắt thành từng mảnh. Lá nguyên hình trứng, hơi dày, dài 6 cm đến 8 cm, rộng 2,5 cm đến 4,5 cm, cuống lá 0,5 cm đến 1 cm, đỉnh lá nhọn, gân lá hình lông chim không rõ.

Vi phẫu

Vi phẫu 2 loài tương tự nhau.

Gân lá: Phía trên hơi lồi, phía dưới lõm nhiều. Biểu bì trên và dưới là một hàng tế bào hình chữ nhật nhỏ, xếp đều đặn, phía ngoài phủ lớp cutin mỏng. Sát biểu bì là lớp mô dày. Mô mềm là những tế bào thành mỏng hình đa giác hay hình trứng. Trong mô mềm có các đám mô cứng tạo thành cung rải rác bao quanh các bó libe-gỗ. Có 3 bó libe-gỗ lớn ở 3 gân chính, cung libe phía trên và phía dưới bao quanh bó gỗ. Gỗ cấu tạo bởi các mạch gỗ xếp thành hàng xen kẽ trong nhu mô tạo thành các bó riêng biệt.

Phiến lá: Biểu bì trên và dưới là một hàng tế bào hình chữ nhật tương tự gân lá. Mô giậu không rõ. Trong mô mềm có thể cứng và rải rác có tinh thể calci oxalat hình khối.

Thân: Mặt cắt ngang có thiết diện tròn. Bần gồm nhiều hàng tế bào xếp thành vòng đồng tâm và dây xuyên tâm, mặt ngoài phủ một lớp cutin mỏng. Mô mềm vỏ là những tế bào hình trứng hay đa giác thành mỏng. Trong mô mềm rải rác có các đám mô cứng. Libe gồm các bó nhỏ, ngoài mỗi bó có bó sợi, tầng phát sinh libe-gỗ không rõ. Phần libe-gỗ rất phát triển, libe phía ngoài, phần gỗ phía trong xếp thành các dải. Trong cùng là mô mềm ruột cấu tạo bởi các tế bào hình tròn hay đa giác có kích thước lớn, thành mỏng, rải rác có chứa các đám tinh thể calci oxalat hình khối.

Bột

Cả hai loài đều có đặc điểm tương tự.

Bột màu vàng lục, không mùi, không vị. Soi dưới kính hiển vi quan sát thấy: Mảnh biểu bì mang lỗ khí, mảnh mô mềm lá có các tế bào hình đa giác thành mỏng. Sợi đứng riêng lẻ hay tụ thành bó. Tế bào mô cứng có nhiều hình dạng khác nhau, thành dày, khoang hẹp. Mảnh mạch nặng, mạch xoắn. Tinh thể calci oxalat hình khối.

Định tính

A. Lấy 5 g bột dược liệu vào bình nón, thêm 50 ml *ethanol* 90 % (TT), đun cách thủy 10 min, lọc nóng, dùng dịch lọc làm các phản ứng sau:

Cho 1 ml dịch lọc vào ống nghiệm, thêm một ít bột *magnesi* (TT) và 5 giọt *acid hydrochloric* (TT), lắc đều rồi đặt vào nồi cách thủy nóng, xuất hiện màu đỏ.

Cho 1 ml dịch lọc vào ống nghiệm, thêm 2 giọt đến 3 giọt *dung dịch sắt (III) clorid* 5 % (TT), xuất hiện màu xanh đen. Nhỏ 1 giọt dịch lọc lên tờ giấy lọc, sấy khô rồi hơ lên miệng lọ amoniac đặc đã mở nút sẽ thấy màu vàng của vết đậm lên.

Cho 1 ml dịch lọc vào ống nghiệm, thêm 3 giọt đến 5 giọt *dung dịch natri hydroxyd* 10 % (TT), xuất hiện tủa và màu vàng của dung dịch tăng lên rõ rệt.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Toluen - ethyl acetat - acid formic - nước* (6 : 5 : 1,5 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g bột dược liệu chiết bằng *methanol* (TT) trong Soxhlet 2 h. Cất thu hồi dung môi đến cạn, hòa tan bằng nước sôi 3 lần, mỗi lần 8 ml đến 10 ml lọc

vào bình gạn, để nguội. Lắc dịch lọc với 20 ml *n-hexan* (TT) để loại tạp, sau đó lắc với *ethyl acetat* (TT) 3 lần, mỗi lần 8 ml, gộp dịch chiết *ethyl acetat* cô tới khô, hòa tan cần trong 1 ml *methanol* (TT) để chấm sắc ký.

Dung dịch được liệu đối chiếu: Lấy 5 g Tầm gửi (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí, phun *dung dịch nhôm clorid* 3 % trong *ethanol* (TT). Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không quá 1 % (Phụ lục 12.11).

Chế biến

Tầm gửi tằm rượu sao: Lấy dược liệu khô, khi dùng có thể tằm rượu sao qua (Phụ lục 12.20).

Bảo quản

Để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh mốc mọt.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, tính bình. Vào các kinh can, thận.

Công năng, chủ trị

Khu phong trừ thấp, bổ can thận, mạnh gân xương. Chủ trị: Đau lưng, tê đau gân cốt, viêm thận mạn tính.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 12 g đến 20 g, dạng thuốc sắc. Thường phối hợp với các loại thuốc khác.

TÂM VÔI

Bombyx Botryticatus

Bạch cương tằm, Cương tằm

Toàn thân được làm khô của con Tằm nhà nuôi giai đoạn 4 đến 5 (*Bombyx mori* L.), họ Tằm tơ (Bombycidae) bị chết cứng thẳng do nhiễm vi nấm Bạch cương (*Botrytis bassiana* Bals.), họ Mucedinaceae, phân ngành Nấm bất toàn (Deuteromycotina). Vào mùa thu, khi sương xuống thường có loại nấm (*Botrytis bassiana* Bals.) bám vào lá dâu và con Tằm ăn lá dâu này mới sinh bệnh chết. Lấy các con tằm này đem rửa sạch, phơi hoặc sấy nhẹ (40 °C đến 50 °C) đến khô.

Mô tả

Tầm vôi hơi có hình trụ, nhẵn nhéo, dài 2 cm đến 5 cm, đường kính 0,5 cm đến 0,7 cm, mặt ngoài màu vàng tro, bao phủ bởi sợi nấm kí sinh và bào tử dạng phấn trắng.